TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **174**/2024/DS-ST
Ngày: 11/9/2024
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P– TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Hiện
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2024/TLST-DS ngày 26/4/2024 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 94/2024/QĐST-DS ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số 4/5, ấp Thạnh Hoà B, thị trấn T P, huyện Thạnh P, tỉnh Bến Tre. Đại diện theo uỷ quyền của ông Thanh là ông Nguyễn Vũ B, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp Th B I, xã T T B, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Hồ Văn L, sinh năm 1960 và Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966. Cùng cư trú: số 62/2, ấp QB, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre. (cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/4/2024, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 10/9/2024, đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn của ông Lê Ngọc Th là ông Nguyễn Vũ Btrình bày:

Vào ngày 12/01/2023 ông Lê Ngọc T có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 102.500.000 (Một trăm lẻ hai triệu, năm trăm nghìn) đồng, thời hạn trả là 01 tháng kể từ ngày vay. Mục đích vay là trả nợ đáo hạn ngân hàng. Ông Hồ Văn L (chồng bà Nguyễn Thị L) cũng biết khoản vay này.

Đến hạn trả thì bà L, ông L vẫn không trả nợ theo thoả thuận mặc dù ông nhiều lần nhắc nhở bà L, ông Lthanh toán cho ông T số tiền này.

Nay ông Lê Ngọc T yêu cầu Toà án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L, ông Hồ Văn L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Thanh số tiền 102.500.000 (Một trăm lẻ hai triệu, năm trăm nghìn) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Do bận công việc làm ăn không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được nên ông Nguyễn Vũ B yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Hồ Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt, không có bản khai với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc T. Buộc ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Thị Lcó nghĩa vụ liên đới trả lại ông T số tiền 102.500.000 đồng, ông Tkhông yêu cầu tính tiền lãi nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Lê Ngọc T tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Hồ Văn L theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Ngọc Tlà ông Nguyễn Vũ B có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Hồ Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào các Điều

227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Lê Ngọc Tvới bị đơn bà Nguyễn Thị L được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án thì ông Lê Ngọc T có cung cấp cho Toà án Bản chính Hợp đồng thoả thuận ngày 12/01/2023 có nội dung thể hiện bà Nguyễn Thị Lcó vay của ông Lê Ngọc Tsố tiền 102.500.000 (Một trăm lẻ hai triệu, năm trăm nghìn) đồng có chữ ký "L" và ghi rõ họ tên "Nguyễn Thị L" ở cuối trang.

Xét thấy từ khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án và đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Văn L nhưng bà L, ông L không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc Tnên xem như bà L, ông Lđã mặc nhiên thừa nhận nợ số tiền như ông T khởi kiện nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông T có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Ông Hồ Văn Lvà bà Nguyễn Thị Lcó đăng ký kết hôn tại UBND xã HLvà được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106/2011 ngày 18/10/2011 nên là vợ chồng hợp pháp. Do đó ông L phải có trách nhiệm liên đới với bà L để trả cho ông Tsố tiền trên.

[5] Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc T là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc T. Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Văn L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền 102.500.000 (Một trăm lẻ hai triệu, năm trăm nghìn) đồng.

[6] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Văn Lphải có trách nhiệm liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 192, 227, 228, 238 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc T. Buộc bà Nguyễn Thị Lvà ông Hồ Văn L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền 102.500.000 (Một trăm lẻ hai triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Ông T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Lvà ông Hồ Văn L phải có trách nhiệm liên đới nộp số tiền 5.125.000 (Năm triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Ông Lê Ngọc T được Chi cục thi hành án dân sự huyện h Phoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.562.000 (Hai triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000137, ngày 24 tháng 4 năm 2024.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).